

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÒ HỘP HẠ LONG

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán của kiểm toán viên	3
Bảng cân đối kế toán riêng (Mẫu số B 01 - DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (Mẫu số B 02 - DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (Mẫu số B 03 - DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng (Mẫu số B 09 - DN)	9

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp Số 0200344752 ngày 5 tháng 3 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 5 tháng 3 năm 1999. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp được sửa đổi lần gần nhất vào ngày 4 tháng 3 năm 2014.

Tại ngày ký báo cáo tài chính riêng này

Hội đồng Quản trị	Ông Phạm Hữu Quý Lâm Ông Kek Chin Ann Ông Mai Xuân Phong Ông Bùi Quốc Hưng Ông Nguyễn Văn Bình Ông Thái Bá Nam Ông Trần Hữu Hoàng	Chủ tịch Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 19/5/2016) Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 19/5/2016) Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 19/5/2016) Thành viên Thành viên (bổ nhiệm ngày 25/4/2016) Thành viên (miễn nhiệm ngày 25/4/2016)
Ban Kiểm soát	Ông Đặng Quốc Việt Ông Trần Phước Thái Ông Ngô Văn Duy Nhất	Trưởng ban Thành viên Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Văn Bình Bà Phạm Thị Thu Nga	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật	Ông Phạm Hữu Quý Lâm	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Trụ sở chính	Số 71, Lê Lai, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng, Việt Nam	
Kiểm toán viên	Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, ủy quyền cho Tổng Giám đốc ký các báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long ("Công ty") theo Giấy Ủy quyền số 01/2017/UQ-HĐQT ngày 15 tháng 3 năm 2017.

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính riêng thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập các báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định đơn vị hoạt động liên tục là không phù hợp.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập các báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính riêng. Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Theo đây, tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính riêng đính kèm từ trang 5 đến trang 33. Các báo cáo tài chính riêng này thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam.

Người sử dụng các báo cáo tài chính riêng này nên đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.



Nguyễn Văn Bình
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 20 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2016 và được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt ngày 20 tháng 3 năm 2017. Báo cáo tài chính riêng này bao gồm: bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 33.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ, chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh số 2.15 của báo cáo tài chính riêng cho thấy tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty không ghi nhận dự phòng trợ cấp thôi việc cho người lao động do áp dụng Thông tư số 180/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012. Việc áp dụng Thông tư này dẫn đến sự khác biệt với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 do một đơn vị kiểm toán khác kiểm toán và đơn vị kiểm toán này đã phát hành báo cáo kiểm toán với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần vào ngày 28 tháng 3 năm 2016.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam



Nguyễn Phi Lan
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0573-2013-006-1



Trần Khắc Thế
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 2043-2013-006-1

Chữ ký được ủy quyền
Số hiệu báo cáo kiểm toán: HAN 1645
Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2017

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 cho các báo cáo tài chính riêng, các báo cáo tài chính riêng kèm theo là không nhằm thể hiện tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và cách thực hành kế toán Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÒ HỘP HẠ LONG

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2016 VNĐ	2015 VNĐ
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		98.718.534.128	127.464.094.001
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	10.955.059.753	16.632.987.469
111	Tiền		3.955.059.753	16.632.987.469
112	Các khoản tương đương tiền		7.000.000.000	-
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4(a)	2.361.799.800	2.364.372.600
121	Chứng khoán kinh doanh		5.648.780.000	5.648.780.000
122	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(3.286.980.200)	(3.284.407.400)
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		19.005.535.989	26.754.601.131
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5(a)	12.176.328.328	8.180.689.598
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		6.580.963.780	10.029.243.455
136	Phải thu ngắn hạn khác	6	7.750.126.235	15.262.630.091
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(7.501.882.354)	(6.919.350.415)
139	Tài sản thiếu chờ xử lý		-	201.388.402
140	Hàng tồn kho	8	66.234.434.771	81.431.974.443
141	Hàng tồn kho		67.177.801.680	82.290.396.304
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(943.366.909)	(858.421.861)
150	Tài sản ngắn hạn khác		161.703.815	280.158.358
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	9(a)	96.998.155	261.185.730
152	Thuế GTGT được khấu trừ		64.705.660	18.972.628
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		61.829.780.828	60.954.366.521
210	Các khoản phải thu dài hạn		5.121.705.541	5.851.323.131
211	Phải thu dài hạn của khách hàng	5(b)	4.761.705.541	5.555.323.131
216	Phải thu dài hạn khác		360.000.000	296.000.000
220	Tài sản cố định		39.640.094.186	36.531.898.097
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	27.652.421.984	24.544.225.895
222	Nguyên giá		103.639.868.479	95.080.446.408
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(75.987.446.495)	(70.536.220.513)
227	Tài sản cố định vô hình	10(b)	11.987.672.202	11.987.672.202
228	Nguyên giá		11.987.672.202	11.987.672.202
229	Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
240	Tài sản dở dang dài hạn		483.272.590	1.833.461.590
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	483.272.590	1.833.461.590
250	Đầu tư tài chính dài hạn		15.000.000.000	15.000.000.000
251	Đầu tư vào công ty con	4(b)	15.000.000.000	15.000.000.000
260	Tài sản dài hạn khác		1.584.708.511	1.737.683.703
261	Chi phí trả trước dài hạn	9(b)	1.584.708.511	1.737.683.703
270	TỔNG TÀI SẢN		160.548.314.956	188.418.460.522

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính riêng.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
(TIẾP THEO)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2016 VNĐ	2015 VNĐ
300	NỢ PHẢI TRẢ		46.976.732.062	70.260.679.845
310	Nợ ngắn hạn		46.694.231.899	69.989.394.130
311	Phải trả người bán ngắn hạn	12	22.442.058.624	41.019.473.532
312	Người mua trả tiền trước		1.528.659.443	2.527.371.396
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	13	6.983.265.965	6.575.653.483
314	Phải trả người lao động		4.232.100.817	7.967.481.729
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	14	2.084.360.575	2.828.837.612
319	Phải trả ngắn hạn khác		466.917.860	350.958.729
321	Dự phòng phải trả ngắn hạn	15	5.458.254.250	5.458.254.250
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16	3.498.614.365	3.261.363.399
330	Nợ dài hạn		282.500.163	271.285.715
337	Phải trả dài hạn khác		282.500.163	271.285.715
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		113.571.582.894	118.157.780.677
410	Vốn chủ sở hữu		113.571.582.894	118.157.780.677
411	Vốn góp của chủ sở hữu	17,18	50.000.000.000	50.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		50.000.000.000	50.000.000.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	18	15.753.387.350	15.753.387.350
418	Quỹ đầu tư phát triển	18	29.020.260.148	27.648.023.735
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	18	18.797.935.396	24.756.369.592
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		15.198.014.973	14.525.495.831
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		3.599.920.423	10.230.873.761
440	TỔNG NGUỒN VỐN		160.548.314.956	188.418.460.522



Vũ Thị Thảo
Kế toán trưởng/Người lập



Nguyễn Văn Bình
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

Mẫu số B 02 – DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
		31.12.2016 VNĐ	31.12.2015 VNĐ
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	282.946.187.426	335.441.223.920
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(3.154.184.847)	(7.649.126.967)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	279.792.002.579	327.792.096.953
11	Giá vốn hàng bán	(202.428.561.923)	(236.602.781.320)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	77.363.440.656	91.189.315.633
21	Doanh thu hoạt động tài chính	77.345.791	105.521.988
22	Chi phí tài chính	(177.204.466)	136.322.450
23	- Trong đó: chi phí lãi vay	(80.382.677)	(129.168.411)
25	Chi phí bán hàng	(51.010.198.809)	(51.949.282.604)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(21.191.092.263)	(29.476.206.449)
30	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	5.062.290.909	10.005.671.018
31	Thu nhập khác	779.340.243	4.676.678.426
32	Chi phí khác	(1.111.195.876)	(593.295.915)
40	(Chi phí)/thu nhập khác - số thuần	(331.855.633)	4.083.382.511
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.730.435.276	14.089.053.529
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(1.130.514.853)	(3.858.179.768)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	3.599.920.423	10.230.873.761



Vũ Thị Thảo
Kế toán trưởng/Người lập



Nguyễn Văn Bình
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính riêng.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
		31.12.2016 VNĐ	31.12.2015 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế	4.730.435.276	14.089.053.529
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định	5.572.013.946	5.561.247.384
03	Các khoản dự phòng	670.049.787	(209.622.037)
05	Lỗ/(lãi) từ hoạt động đầu tư	648.870.869	(4.182.521.195)
06	Chi phí lãi vay	80.382.677	129.168.411
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	11.701.752.555	15.387.326.092
09	Giảm các khoản phải thu	7.850.417.761	10.301.327.225
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho	15.112.594.624	(20.764.463.182)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả	(23.400.321.652)	16.541.386.205
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước	317.162.767	(1.124.418.916)
14	Tiền lãi vay đã trả	(80.382.677)	(129.168.411)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(1.300.000.000)	(4.383.713.624)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(448.867.240)	(281.275.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	9.752.356.138	15.547.000.389
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Chi để mua sắm TSCĐ	(7.951.108.235)	(9.510.135.577)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	4.099.955.322
27	Thu lãi tiền gửi	26.223.631	105.521.988
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(7.924.884.604)	(5.304.658.267)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Thu từ vay ngắn hạn, dài hạn	6.671.984.180	13.307.022.900
34	Chi trả nợ gốc vay	(6.671.984.180)	(13.307.022.900)
36	Chi trả cổ tức	(7.505.399.250)	(7.500.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(7.505.399.250)	(7.500.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(5.677.927.716)	2.742.342.122
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3 16.632.987.469	13.890.645.347
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3 10.955.059.753	16.632.987.469

Các giao dịch trọng yếu không sử dụng tiền mặt khác trong năm bao gồm mua các tài sản cố định với khoản phải trả tại cuối năm số tiền 181,647,000 Đồng Việt Nam (2015: 849,860,000 Đồng Việt Nam).



Vũ Thị Thảo
Kế toán trưởng/Người lập



Nguyễn Văn Bình
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính riêng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công Ty Cổ Phần Đồ Hộp Hạ Long (“Công ty”) được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0200344752 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 5 tháng 3 năm 1999. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần gần nhất cấp ngày 4 tháng 3 năm 2014.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm: sản xuất, chế biến, đóng hộp và xuất khẩu các mặt hàng thủy, hải sản, súc sản đông lạnh và các thực phẩm khác.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có ba chi nhánh và một công ty con như sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long tại TP Đà Nẵng, địa chỉ tại 150 Đống Đa, Phường Thuận Phước, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long, địa chỉ tại số 30 Lý Long Tường, Khu phố Mỹ Quang – H30, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; và
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long, địa chỉ tại số 80B Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty con	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH MTV Thực phẩm Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng	Chế biến, bảo quản cá và các sản phẩm từ cá, thịt và các sản phẩm từ thịt, rau củ quả, sản phẩm thức ăn gia súc, gia cầm và các mặt hàng thủy hải sản.	100%

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 480 nhân viên (31.12.2015: 520 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập các báo cáo tài chính riêng

Các báo cáo tài chính riêng đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam. Báo cáo tài chính riêng được soạn lập theo nguyên tắc giá gốc.

Các báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Ngoài ra, Công ty cũng đã soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng các báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 để có đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và những thay đổi về tình hình tài chính của Công ty và công ty con.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam ("VNĐ").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.5 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

2.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

2.7 Đầu tư

(a) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán do Công ty nắm giữ cho mục đích kinh doanh và được nắm giữ chủ yếu cho mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh được lập khi giá gốc cao hơn giá trị thị trường của các khoản chứng khoán kinh doanh này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.7 Đầu tư (tiếp theo)

(a) Chứng khoán kinh doanh (tiếp theo)

Lãi và lỗ từ việc thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

(b) Đầu tư vào công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

Đầu tư vào công ty con được hạch toán theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

2.8 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	4% - 17%
Máy móc thiết bị	8% - 50%
Phương tiện vận tải	10% - 25%
Dụng cụ văn phòng	14% - 50%

Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao.

Thanh lý

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với tài sản đủ điều kiện, chi phí vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.9 Thuê tài sản

Thuê hoạt động tài sản cố định là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.11 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

2.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

2.13 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.14 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.15 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc. Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi kỳ báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán này. Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

Tuy nhiên, Công ty đã không ghi nhận khoản dự phòng trợ cấp thôi việc nêu trên do áp dụng Thông tư số 180/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012. Việc áp dụng Thông tư này dẫn đến sự khác biệt với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - *Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng*. Nếu Công ty áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18, khoản dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cần phải lập là 6.590.676.667 Đồng Việt Nam (2015: 6.561.376.750 Đồng Việt Nam).

2.16 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần: là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

2.17 Phân chia lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau:

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần và được phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên.

(b) Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần và được phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên.

2.18 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

(a) Doanh thu bán hàng (tiếp theo)

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng thành phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán.

(b) Doanh thu cho thuê tài sản

Doanh thu cho thuê tài sản dưới hình thức thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời gian cho thuê đã thực hiện.

(c) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(d) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.19 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

2.20 Giá vốn hàng bán

Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.21 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, chi phí lãi vay, lỗ tỷ giá hối đoái.

2.22 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm chủ yếu bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, chi phí hỗ trợ đại lý và nhà phân phối, chi phí đóng gói và vận chuyển.

2.23 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê nhà máy; dịch vụ mua ngoài; và chi phí bằng tiền khác.

2.24 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính riêng và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong năm mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.25 Chia cổ tức

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.26 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.27 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2016	2015
	VNĐ	VNĐ
Tiền mặt	249.531.700	833.905.331
Tiền gửi ngân hàng	3.705.528.053	15.799.082.138
Các khoản tương đương tiền (*)	7.000.000.000	-
	<u>10.955.059.753</u>	<u>16.632.987.469</u>

(*) Số dư các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn ban đầu không quá ba tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

Mẫu số B 09 - DN

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Chứng khoán kinh doanh

	2016		2015	
	Giá gốc VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ	Giá gốc VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ
Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Quân đội	3.142.610.000	1.353.814.000	3.142.610.000	1.460.185.100
Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	2.506.170.000	1.007.985.800	2.506.170.000	904.187.500
	5.648.780.000	2.361.799.800	5.648.780.000	2.364.372.600
				3.286.980.200
				1.682.424.900
				1.601.982.500
				3.284.407.400

Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa của cổ phiếu của các đơn vị đầu tư được niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

(b) Đầu tư vào công ty con

	2016		2015	
	Giá gốc VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ	Giá gốc VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ
Công ty TNHH MTV Thực phẩm Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng (sở hữu 100% vốn)	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
				-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

Mẫu số B 09 - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016****5 PHẢI THU KHÁCH HÀNG****(a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Bên thứ ba	11.382.710.738	7.387.072.008
Bên liên quan (Thuyết minh 28(b))	793.617.590	793.617.590
	<u>12.176.328.328</u>	<u>8.180.689.598</u>
Dự phòng phải thu khó đòi	(657.832.902)	(75.300.963)
	<u>11.518.495.426</u>	<u>8.105.388.635</u>

Chi tiết theo khách hàng chiếm từ 10% trở lên trong tổng phải thu của khách hàng như sau:

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thực phẩm Hạ Long (Thuyết minh 6)	4.938.595.200	-
Công ty TNHH Dịch vụ EB	2.029.507.206	1.526.183.717
Công ty TNHH Metro Cash & Carry Việt Nam	805.715.160	1.349.988.111

(b) Phải thu dài hạn của khách hàng

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Công ty TNHH MTV Thực phẩm Đồ hộp Hạ Long - Đà Nẵng (Thuyết minh 28(b))	4.761.705.541	5.555.323.131

Đây là khoản phải thu Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long - Đà Nẵng, công ty con, liên quan đến việc bán máy móc thiết bị theo hợp đồng số 877-HĐMB/ĐHHL/2012 ngày 1 tháng 9 năm 2012 với giá trị 8.994.332.688 Đồng Việt Nam và được thanh toán trong thời gian 11 năm 4 tháng, tương ứng với 12 kỳ thanh toán, từ ngày 1 tháng 9 năm 2012 đến ngày 31 tháng 3 năm 2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

6 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Phải thu từ các cá nhân liên quan đến thuế GTGT (i)	5.458.254.250	5.458.254.250
Phải thu từ Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thực phẩm Hạ Long về cho vay hàng tồn kho (ii)	-	4.938.595.200
Phải thu người lao động	395.727.002	683.429.424
Ký quỹ, ký cược	-	3.055.968.100
Các khoản khác	1.896.144.983	1.126.383.117
	<u>7.750.126.235</u>	<u>15.262.630.091</u>
Dự phòng phải thu khó đòi	(6.844.049.452)	(6.844.049.452)
Trong đó:		
- Dự phòng cho khoản phải thu từ các cá nhân liên quan đến thuế GTGT	(5.458.254.250)	(5.458.254.250)
- Dự phòng cho khoản phải thu khác	(1.385.795.202)	(1.385.795.202)
	<u>906.076.783</u>	<u>8.418.580.639</u>

(i) Phải thu từ các cá nhân liên quan đến thuế GTGT phải nộp Nhà nước là 5.458.254.250 Đồng Việt Nam được ghi nhận phù hợp với bản án phúc thẩm số 03/HSPT ngày 12 tháng 1 và 13 tháng 1 năm 2005 do Tòa án Nhân dân Tối cao – Tòa Phúc Thẩm tại Hà Nội ban hành. Tuy nhiên, theo đánh giá của Tổng Giám đốc, khả năng thu hồi của khoản phải thu này thấp nên đã lập dự phòng 100%.

(ii) Khoản phải thu liên quan tới giá trị của lô nguyên vật liệu mà Công ty cho Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thực phẩm Hạ Long vay theo các Hợp đồng số 2827/HĐ/ĐHHL, 3197/HĐ/ĐHHL và 3332/HĐ/ĐHHL đề ngày 20 tháng 11 năm 2015, 17 tháng 12 năm 2015, 22 tháng 12 năm 2015 và các phụ lục hợp đồng sau đó. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã bán lại lô hàng này cho Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thực phẩm Hạ Long (Thuyết minh 5(a)).

7 NỢ XẤU

Dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi được trình bày như sau:

	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016		
	Giá gốc VNĐ	Giá trị có thể thu hồi VNĐ	Dự phòng VNĐ
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán cần lập dự phòng:			
i) Phải thu khách hàng (Thuyết minh 5(a))	12.176.328.328	11.518.495.426	657.832.902
ii) Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 6)	7.750.126.235	906.076.783	6.844.049.452
	<u>19.926.454.563</u>	<u>12.424.572.209</u>	<u>7.501.882.354</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

8 HÀNG TỒN KHO

	2016		2015	
	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ
Hàng đang đi trên đường	4.130.788.800	-	-	-
Nguyên vật liệu tồn kho	19.556.340.669	-	53.370.594.764	-
Công cụ, dụng cụ trong kho	1.941.041.346	(837.385.413)	121.582.933	(858.421.861)
Chi phí SXKD dở dang	1.243.763.279	-	957.439.290	-
Thành phẩm tồn kho	34.737.649.891	(105.981.496)	20.572.263.617	-
Hàng hóa	5.568.217.695	-	7.268.515.700	-
	<u>67.177.801.680</u>	<u>(943.366.909)</u>	<u>82.290.396.304</u>	<u>(858.421.861)</u>

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Số dư đầu năm	858.421.861	858.421.861
Tăng dự phòng	84.945.048	-
Số dư cuối năm	<u>943.366.909</u>	<u>858.421.861</u>

9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
(a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
Trả trước phí bảo hiểm	16.347.786	5.763.970
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	80.650.369	255.421.760
	<u>96.998.155</u>	<u>261.185.730</u>
(b) Chi phí trả trước dài hạn		
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	561.333.003	963.724.173
Xây dựng cơ bản dở dang bị xóa sổ	675.094.500	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	348.281.008	773.959.530
	<u>1.584.708.511</u>	<u>1.737.683.703</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÒ HỘP HẠ LONG

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (TIẾP THEO)

Biến động chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Số dư đầu năm	1.737.683.703	684.842.130
Tăng	185.066.364	2.088.113.127
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang Thuyết minh 11) (*)	1.350.189.000	-
Phân bổ trong năm	(1.688.230.556)	(842.125.609)
Thanh lý trong năm	-	(193.145.945)
Số dư cuối năm	<u>1.584.708.511</u>	<u>1.737.683.703</u>

(*) Trong năm, Công ty thực hiện chuyển chi phí xây dựng cơ bản dở dang đã phát sinh liên quan tới việc xây dựng nhà kho thực hiện từ năm 2011 để cho thuê nhưng công trình dở dang không được hoàn thành sang chi phí trả trước dài hạn. Khoản chi phí này được phân bổ trong vòng 2 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

10 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VNĐ	Máy móc, thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	35.579.414.704	51.043.194.288	6.120.986.396	2.336.851.020	95.080.446.408	8.680.210.035
Mua mới trong năm	-	8.680.210.035	-	-	-	(120.787.964)
Xóa sổ	-	(120.787.964)	-	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	35.579.414.704	59.602.616.359	6.120.986.396	2.336.851.020	103.639.868.479	
Khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	29.049.665.956	34.271.920.806	5.085.553.166	2.129.080.585	70.536.220.513	1.466.514.885
Khấu hao trong năm	1.466.514.885	3.745.147.913	190.668.880	169.682.268	5.572.013.946	(120.787.964)
Xóa sổ	-	(120.787.964)	-	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	30.516.180.841	37.896.280.755	5.276.222.046	2.298.762.853	75.987.446.495	
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	6.529.748.748	16.771.273.482	1.035.433.230	207.770.435	24.544.225.895	5.063.233.863
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	5.063.233.863	21.706.335.604	844.764.350	38.088.167	27.652.421.984	

Nguyên giá TSCĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 51.541 triệu VNĐ (2015: 44.063 triệu VNĐ).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

10 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH (TIẾP THEO)**(b) Tài sản cố định vô hình**

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Quyền sử dụng đất	11.987.672.202	11.987.672.202

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định, bao gồm quyền sử dụng đất cho lô đất có diện tích 10.306 m² tại lô C3-4 và C3-5 thuộc khu Công nghiệp Dịch vụ Thủy sản Thọ Quang, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng với giá trị ghi sổ là 11.259 triệu Đồng Việt Nam và lô đất có diện tích 290,7 m² tại thửa số 1 địa chỉ số 43/1 đường Phước Long, phường Phước Long, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa với giá trị ghi sổ là 729 triệu Đồng Việt Nam.

Vào ngày 20 tháng 7 năm 2016, Công ty đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 77/2016/VCB ĐN với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Đà Nẵng, thế chấp quyền sử dụng lô đất tại Đà Nẵng (giá trị ghi sổ là 11.259 triệu Đồng Việt Nam) làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng, công ty con, với Ngân hàng.

11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu bao gồm:

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Xây dựng nhà kho dở dang	42.272.590	1.392.461.590
Phần mềm tin học đang trong quá trình chạy thử và chỉnh sửa	441.000.000	441.000.000
	<u>483.272.590</u>	<u>1.833.461.590</u>

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1	1.833.461.590	1.612.961.590
Mua sắm	-	992.150.577
Chuyển sang TSCĐ	-	(771.650.577)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 9)	(1.350.189.000)	-
Tại ngày 31 tháng 12	<u>483.272.590</u>	<u>1.833.461.590</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

Mẫu số B 09 - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Bên thứ ba	22.442.058.624	41.019.473.532

Chi tiết theo nhà cung cấp chiếm từ 10% trở lên trong tổng phải trả người bán ngắn hạn như sau:

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thực phẩm Hạ Long	6.821.645.100	8.147.448.150
Công ty TNHH Xuân Việt	2.960.686.080	3.501.488.551
Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu	2.397.392.305	6.518.097.971

13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Thuế GTGT	981.539.643	1.747.788.116
Thuế thu nhập doanh nghiệp	478.423.220	647.908.367
Thuế thu nhập cá nhân	583.460.536	635.592.438
Thuế nhà đất	109.293.314	109.293.314
Tiền thuê đất	4.830.549.252	3.435.071.248
	<u>6.983.265.965</u>	<u>6.575.653.483</u>

Tình hình biến động trong năm của thuế và các khoản khác phải nộp ngân sách Nhà nước như sau:

	Tại ngày 1.1.2016 VNĐ	Số phải nộp trong năm VNĐ	Số đã thực nộp trong năm VNĐ	Tại ngày 31.12.2016 VNĐ
Thuế GTGT	1.747.788.116	14.046.950.523	(14.813.198.996)	981.539.643
Thuế xuất nhập khẩu	-	443.087.323	(443.087.323)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	647.908.367	1.130.514.853	(1.300.000.000)	478.423.220
Thuế thu nhập cá nhân	635.592.438	1.161.315.058	(1.213.446.960)	583.460.536
Thuế nhà đất	109.293.314	99.687.000	(99.687.000)	109.293.314
Tiền thuê đất (*)	3.435.071.248	3.395.478.004	(2.000.000.000)	4.830.549.252
Thuế môn bài	-	6.000.000	(6.000.000)	-
	<u>6.575.653.483</u>	<u>20.283.032.761</u>	<u>(19.875.420.279)</u>	<u>6.983.265.965</u>

(*) Khoản mục này là tiền thuê đất trả cho Nhà nước theo Hợp đồng thuê đất số 11/HĐ/TĐ ký ngày 15 tháng 3 năm 1999 giữa Công ty và Sở Địa chính Thành phố Hải Phòng, liên quan tới ba lô đất tại địa chỉ số 39, 43A và 43B phố Lê Lai, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng với tổng diện tích là 62.740,2 m², thời hạn thuê đất là 40 năm kể từ ngày 1 tháng 3 năm 1999. Tiền thuê đất trả hàng năm được thông báo bởi Chi cục thuế quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

Mẫu số B 09 - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016****14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Chi phí hỗ trợ nhà phân phối	1.219.911.695	1.715.519.297
Chi phí điện, nước và các dịch vụ tiện ích khác	222.704.486	182.417.076
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	641.744.394	930.901.239
	<u>2.084.360.575</u>	<u>2.828.837.612</u>

15 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Dự phòng phải trả ngắn hạn	5.458.254.250	5.458.254.250

Dự phòng phải trả ngắn hạn phản ánh dự phòng cho số thuế giá trị gia tăng phải nộp Ngân sách Nhà nước theo bản án phúc thẩm số 03/HSPT ngày 12 và 13 tháng 1 năm 2005 do Tòa án Nhân dân Tối cao – Tòa Phúc Thẩm tại Hà Nội ban hành (Thuyết minh số 6).

16 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1	3.261.363.399	2.559.855.698
Trích từ lợi nhuận sau thuế (Thuyết minh 18)	686.118.206	882.782.701
Sử dụng quỹ trong năm	(448.867.240)	(181.275.000)
Tại ngày 31 tháng 12	<u>3.498.614.365</u>	<u>3.261.363.399</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÒ HỘP HẠ LONG

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

17 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	2016 Cổ phiếu phổ thông	2015 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 Đồng Việt Nam.

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	2016		2015	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Phần vốn nhà nước	1.387.360	27,75	1.387.360	27,75
Phần vốn của các đối tượng khác	3.612.640	72,25	3.612.640	72,25
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	5.000.000	100	5.000.000	100

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu thường VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	5.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	5.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	5.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

Mẫu số B 09 - DN

18 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển (*) VNĐ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	50.000.000.000	15.753.387.350	24.999.675.631	25.656.626.636	116.409.689.617
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	10.230.873.761	10.230.873.761
Trích vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	2.648.348.104	(2.648.348.104)	-
Trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(882.782.701)	(882.782.701)
Chia cổ tức	-	-	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Trích thưởng cho Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	-	-	-	(100.000.000)	(100.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	50.000.000.000	15.753.387.350	27.648.023.735	24.756.369.592	118.157.780.677
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	3.599.920.423	3.599.920.423
Trích vào quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	1.372.236.413	(1.372.236.413)	-
Trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 16)	-	-	-	(686.118.206)	(686.118.206)
Chia cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	50.000.000.000	15.753.387.350	29.020.260.148	18.797.935.396	113.571.582.894

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2016, cổ đông của Công ty đã phê duyệt trích lập 1.372.236.413 Đồng Việt Nam vào Quỹ đầu tư và phát triển trong phần vốn chủ sở hữu nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai và trích lập 686.118.206 Đồng Việt Nam vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi nhằm mục đích để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

Mẫu số B 09 - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016****19 CỐ TỨC**

Biến động của cổ tức phải trả trong năm như sau:

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1	58.702.000	58.702.000
Cổ tức phải trả trong năm (Thuyết minh 18) (*)	7.500.000.000	7.500.000.000
Cổ tức đã trả	(7.505.399.250)	(7.500.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12	<u>53.302.750</u>	<u>58.702.000</u>

(*) Trong năm, Công ty thực hiện chia cổ tức căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2016 là 15% (tương đương 1.500 Đồng Việt Nam trên một cổ phiếu phổ thông nắm giữ).

20 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Ngoại tệ các loại	<u>166.368.998</u>	<u>61.311.644</u>

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm bao gồm số ngoại tệ là 7.599 Đô la Mỹ (31.12.2015: 2.897 Đô la Mỹ).

21 DOANH THU

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	281.151.701.902	334.594.660.075
Doanh thu cho thuê kho	1.794.485.524	846.563.845
	<u>282.946.187.426</u>	<u>335.441.223.920</u>
Các khoản giảm trừ		
Chiết khấu thương mại	(3.154.184.847)	(7.649.126.967)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>279.792.002.579</u>	<u>327.792.096.953</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

Mẫu số B 09 - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016****22 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Giá vốn của thành phẩm đã bán	202.343.616.875	236.602.781.320
Dự phòng hàng tồn kho	84.945.048	-
	<u>202.428.561.923</u>	<u>236.602.781.320</u>

23 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Chi phí nhân viên	29.929.832.053	30.391.376.376
Chi phí khấu hao	150.087.890	291.950.201
Chi phí vận chuyển, bốc dỡ hàng hóa	7.591.509.487	9.046.642.737
Chi phí hỗ trợ nhà phân phối	7.698.946.762	6.648.255.263
Chi phí quảng cáo, tiếp thị bán hàng	1.471.424.388	863.117.232
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	1.825.106.757	2.636.593.405
Chi phí khác	2.343.291.472	2.071.347.390
	<u>51.010.198.809</u>	<u>51.949.282.604</u>

24 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Chi phí nhân viên	9.492.037.760	12.327.928.495
Chi phí khấu hao	1.116.369.431	1.428.044.338
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	4.264.533.480	5.520.525.018
Thuế, phí, lệ phí	3.502.065.004	3.646.673.187
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	582.531.939	75.300.963
Chi phí khác	2.233.554.649	6.477.734.448
	<u>21.191.092.263</u>	<u>29.476.206.449</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÒ HỘP HẠ LONG

Mẫu số B 09 - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

25 THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Thu nhập khác		
Lãi do thanh lý tài sản cố định	-	4.076.999.207
Khác	779.340.243	599.679.219
	<u>779.340.243</u>	<u>4.676.678.426</u>
Chi phí khác		
Phân bổ chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 9)	675.094.500	-
Khác	436.101.376	593.295.915
	<u>1.111.195.876</u>	<u>593.295.915</u>
(Chi phí)/thu nhập khác – số thuần	<u>(331.855.633)</u>	<u>4.083.382.511</u>

26 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Theo các quy định thuế hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập Doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế của Công ty cho năm 2016 (2015: 22%). Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất 20% (2015: 22%) được thể hiện như sau:

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	4.730.435.276	14.089.053.529
Thuế tính ở thuế suất 20% (2015: 22%)	946.087.055	3.099.591.776
Điều chỉnh:		
- Thu nhập không chịu thuế	-	(10.956.220)
- Chi phí không được khấu trừ	184.427.798	451.340.440
- Dự phòng thiếu của năm trước	-	318.203.772
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>1.130.514.853</u>	<u>3.858.179.768</u>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

27 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	162.493.819.708	206.288.376.915
Chi phí nhân công	58.771.944.992	62.118.949.462
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.572.013.946	5.561.247.384
Chi phí vận chuyển	7.591.509.487	9.046.642.737
Chi phí hỗ trợ nhà phân phối	7.698.946.762	6.648.255.263
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	8.684.900.022	11.671.247.960
Các chi phí khác bằng tiền	14.072.238.270	11.976.958.167
	<u>264.885.373.187</u>	<u>313.311.677.888</u>

28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch chủ yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
<i>i) Doanh thu bán hàng và dịch vụ</i>		
Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng – Công ty con	<u>41.327.111</u>	<u>180.777.351</u>
<i>ii) Mua hàng hóa và dịch vụ</i>		
Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng – Công ty con	<u>37.299.115.080</u>	<u>35.110.573.734</u>
<i>iii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt</i>		
Lương và các quyền lợi gộp khác	<u>3.070.992.487</u>	<u>2.896.892.496</u>
<i>iv) Các hoạt động tài chính</i>		
Chia cổ tức cho cổ đông	<u>7.500.000.000</u>	<u>7.500.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
<i>i) Phải thu ngắn hạn khách hàng (Thuyết minh 5(a))</i> Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng – Công ty con	793.617.590	793.617.590
<i>ii) Phải thu dài hạn khách hàng (Thuyết minh 5(b))</i> Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng – Công ty con	4.761.705.541	5.555.323.131
<i>iii) Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh 4(b))</i> Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng – Công ty con	15.000.000.000	15.000.000.000
<i>iv) Trả trước cho nhà cung cấp</i> Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng – Công ty con	6.004.264.934	8.193.985.580
<i>v) Các khoản phải trả ngắn hạn khác</i> Cổ tức phải trả cho cổ đông (Thuyết minh 19)	53.302.750	58.702.000

29 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Dưới 1 năm	784.500.000	250.750.000
Từ 1 đến 5 năm	810.000.000	-
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	1.594.500.000	250.750.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

30 CAM KẾT VỐN

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Mua máy móc, thiết bị	-	3.138.740.640
Mua phần mềm Hệ thống quản trị nguồn lực của Doanh nghiệp	294.000.000	294.000.000
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	294.000.000	3.432.740.640

31 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty không trình bày báo cáo theo bộ phận kinh doanh vì Công ty chỉ hoạt động kinh doanh chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, đóng hộp và xuất khẩu các mặt hàng thủy, hải sản, súc sản đông lạnh và các thực phẩm khác. Công ty cũng không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý vì Công ty chỉ hoạt động kinh doanh tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Tổng Giám đốc phê duyệt ngày 20 tháng 3 năm 2017.



Vũ Thị Thảo
Kế toán trưởng/Người lập



Nguyễn Văn Bình
Tổng Giám đốc